TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/DS-PT
Ngày: 23 – 7 – 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp họ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Sơn Nữ Phà Ca

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Bích – kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 7 và ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về: Tranh chấp hợp đồng góp họ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị C có:

1/ Ông Nguyễn Quang D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

2/ Ông Nguyễn Khắc H – Luật sư của Văn phòng luật sư Hồng Anh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1/ Bà Châu Thị M, sinh năm 1968.

2/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thị M có: Ông Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1983; địa chỉ: , Phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 18/7/2020). Có mặt.

- *Người làm chứng:* NLC1; NLC2; NLC3; NLC4.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà Nguyễn Thị C là đầu thảo nhiều dây hụi, trong đó bà Châu Thị M và ông Nguyễn Văn B có tham gia 05 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 09/01/2016, hụi mãn ngày 09/9/2017, hụi gồm 11 phần. Trong đó ông B, bà M tham gia 01 phần, mỗi phần là 5.000.000đ, tiền đầu thảo 1.200.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng mở hụi (khui hụi) một lần. Ông B, bà M đã hốt hụi vào kỳ mở hụi lần thứ sáu vào tháng 11/2016 bỏ thăm 2.250.000đ và được trúng thăm nhận được số tiền là 38.750.000đ. Ông B, bà M có thực hiện đóng hụi chết được 08 lần, còn lại 03 lần mãn hụi. Tháng 5/2017 bà Vẹn (Dẹn) bỏ thăm 2.050.000đ và được trúng thăm lĩnh hụi (hốt hụi), bà C đã đóng thay bà M phần hụi chết này với số tiền 5.000.000đ. Đến tháng 7/2017 thì không khui hụi nữa. Bà C yêu cầu bà M, ông B trả tiền vốn 2 kỳ chưa khui hụi (tháng 7, tháng 9 năm 2017) bằng 5.500.000đ và 5.000.000đ (do bà C đóng thay bà M vào tháng 5/2017), tổng cộng là 10.500.000đ.

Dây 2: Hụi mở ngày 09/01/2016, hụi mãn ngày 09/9/2017, hụi gồm 11 phần. Trong đó ông B, bà M tham gia 01 phần, mỗi phần là 5.000.000đ, tiền đầu thảo 1.200.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui một lần. Ông B, bà M đã hốt vào lần mở hụi thứ hai tháng 3/2016 bỏ thăm 1.850.000đ và được trúng thăm, nhận được số tiền là 32.150.000đ. Ông B, bà M có thực hiện đóng hụi chết được 06 lần, hiện còn nợ lại 03 lần hụi nữa là mãn hụi. Tháng 5/2017 bà C bỏ thăm và được trúng thăm lĩnh hụi. Đến tháng 7/2017 thì không khui hụi nữa. Bà C yêu cầu bà M, ông B trả tiền vốn 2 kỳ chưa khui hụi (tháng 7, tháng 9 năm 2017) bằng 6.300.000đ và 5.000.000đ (do bà C đóng thay bà M tháng 5/2017), tổng cộng là 11.300.000đ.

Dây 3: Hụi mở ngày 09/01/2016, hụi mãn ngày 09/9/2017, hụi gồm 11 phần. Trong đó ông B, bà M tham gia 01 phần, mỗi phần là 5.000.000đ, tiền đầu thảo 1.200.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui hụi một lần. Ông B, bà M đã hốt hụi vào lần mở hụi thứ ba ngày 09/5/2016 bỏ thăm 2.050.000đ và được trúng thăm, nhận được số tiền là 33.600.000đ. Ông B, bà M có thực hiện đóng hụi chết được 05 lần, hiện còn nợ lại 03 lần hụi nữa là mãn hụi. Tháng 5/2017 bà C bỏ thăm và được trúng thăm lĩnh hụi. Đến tháng 7/2017 thì không khui hụi nữa. Bà C yêu cầu bà M, ông B trả tiền vốn 2 kỳ chưa khui hụi (tháng 7, tháng 9 năm 2017) bằng

5.900.000đ và 5.000.000đ (do bà C đóng thay bà M tháng 5/2017), tổng cộng là 10.900.000đ.

Dây 4: Hụi mở ngày 09/01/2016, hụi mãn ngày 09/9/2017, hụi gồm 11 phần. Trong đó ông B, bà M tham gia 02 phần, mỗi phần là 5.000.000đ, tiền đầu thảo 1.200.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui hụi một lần. Ông B, bà M đã hốt phần thứ nhất vào lần khui hụi thứ nhất bỏ thăm 1.500.000đ và được trúng thăm, nhận được số tiền là 33.800.000đ, đã đóng hụi chết được 07 lần. Tháng 5/2017 bà C khui hụi, bà Đào bỏ thăm và được trúng thăm. Bà M bỏ đi không đóng hụi cho bà C nên bà C đã đóng thay cho bà M số tiền 5.000.000đ. Đến tháng 7/2017 thì không khui hụi nữa. Bà C yêu cầu bà M, ông B trả tiền vốn 2 kỳ chưa khui hụi (tháng 7, tháng 9 năm 2017) bằng 7.000.000đ và 5.000.000đ (do bà C đóng thay bà M tháng 5/2017), tổng cộng là 12.000.000đ.

Phần hụi thứ hai bà M, ông B bỏ thăm vào lần khui hụi thứ tư ngày 09/7/2016 bỏ thăm 2.450.000 đồng và được trúng thăm nhận được số tiền là 32.850.000đ. Ông B, bà M đã đóng hụi chết được 04 lần. Tháng 5/2017 bà C khui hụi, bà Đào bỏ thăm và được trúng thăm. Bà M bỏ đi không đóng hụi cho bà C nên bà C đã đóng thay cho bà M số tiền 5.000.000đ. Đến tháng 7/2017 thì không khui hụi nữa. Bà C yêu cầu bà M, ông B trả tiền vốn 2 kỳ chưa khui hụi (tháng 7, tháng 9 năm 2017) bằng 5.100.000đ và 5.000.000đ (do bà C đóng thay bà M tháng 5/2017), tổng cộng là 10.100.000đ.

Dây 5: Hụi mở ngày 16/3/2016, hụi mãn ngày 16/03/2018, hụi gồm 13 phần. Trong đó ông B, bà M tham gia 02 phần, mỗi phần là 10.000.000đ, tiền đầu thảo 2.400.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui một lần. Ông B, bà M đã hốt phần hụi thứ nhất vào lần khui thứ hai ngày 16/5/2016 bỏ thăm 4.200.000đ và trúng thăm nhận được số tiền là 71.400.000đ, đã đóng hụi chết được 05 lần. Tháng 5/2017 bà C khui hụi, bà C bỏ thăm và được trúng thăm. Bà M bỏ đi không đóng hụi cho bà C nên bà C đã đóng thay cho bà M số tiền 10.000.000đ. Đến tháng 7/2017 thì không khui hụi nữa. Bà C yêu cầu bà M, ông B trả tiền vốn 05 kỳ khui hụi (tháng 7, tháng 9, tháng 11 năm 2017; tháng 01, tháng 03 năm 2018) bằng 29.000.000đ và 10.000.000đ (do bà C đóng thay bà M tháng 5/2017), tổng cộng là 39.000.000đ.

Phần hụi thứ hai, bà M, ông B trúng thăm vào lần khui thứ năm ngày 16/11/2016 bỏ thăm 4.100.000đ và được nhận số tiền là 84.800.000đ, đã đóng hụi chết được 02 lần. Tháng 5/2017 bà C khui hụi, bà C bỏ thăm và được trúng thăm. Bà M bỏ đi không đóng hụi cho bà C nên bà C đã đóng thay cho bà M số tiền 10.000.000đ. Đến tháng 7/2017 thì không khui hụi nữa. Bà C yêu cầu bà M, ông B trả tiền vốn 05 kỳ khui hụi (tháng 7, tháng 9, tháng 11 năm 2017; tháng 01, tháng 03 năm 2018) bằng 29.500.000đ và 10.000.000đ (do bà C đóng thay bà M tháng 5/2017), tổng cộng là 39.500.000đ.

Tất cả 05 dây hụi nói trên đều ngừng mở hụi vào tháng 7/2017. Người nhận tiền hụi của các dây này khi được lĩnh hụi là bà M trực tiếp nhận, có 01 lần bà M ký nhận tiền hụi, còn nhiều lần khác thì không ký. Bà C không có giao tiền cho

ông B nhưng bà C có thông báo cho ông B biết việc bà M tham gia hụi của bà C, ông B cũng không nói gì.

Nay bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Châu Thị M và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả tiền hụi còn nợ với tổng số tiền là 133.300.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng). Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Tại các đơn yêu cầu phản tố ngày 30/7/2018 và ngày 08/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Châu Thị M trình bày:

Bà M thừa nhận có tham gia 05 dây hụi như bà C đã trình bày, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 09/01/2016, hụi mãn ngày 09/9/2017, hụi gồm 11 phần. Trong đó, bà M tham gia 01 phần, mỗi phần là 5.000.000đ, tiền đầu thảo 1.200.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui hụi một lần. Bà M đã trúng thăm lần khui thứ sáu bỏ thăm 2.250.000đ, được nhận số tiền là 26.300.000đ. Bà M có thực hiện đóng hụi chết được 08 lần thì ngưng, còn nợ lại 02 lần hụi, yêu cầu trả vốn 02 kỳ chưa mở hụi bằng 5.500.000đ.

Dây 2: Hụi mở ngày 09/01/2016, hụi mãn ngày 09/9/2017, hụi gồm 11 phần. Trong đó bà M tham gia 01 phần, mỗi phần là 5.000.000đ, tiền đầu thảo 1.200.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui hụi một lần. Bà M đã trúng thăm tại lần khui hụi thứ hai bỏ thăm 1.850.000đ và nhận được số tiền là 32.150.000đ. Bà M có thực hiện đóng hụi chết được 07 lần, không đóng hụi chết từ tháng 7/2017, hiện còn nợ lại 02 lần hụi, yêu cầu trả vốn của hai kỳ chưa mở hụi với số tiền là 6.300.000đ.

Dây 3: Hụi mở ngày 09/01/2016, hụi mãn ngày 09/9/2017, hụi gồm 11 phần. Trong đó bà M tham gia 01 phần, mỗi phần là 5.000.000đ, tiền đầu thảo 1.200.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui một lần. Dây hụi này vẫn còn sống. Bà M đóng được 09 lần hụi sống (đóng đến tháng 5/2017) bằng số tiền 25.400.000đ.

Dây 4: Hụi mở ngày 09/01/2016, hụi mãn ngày 09/9/2017, hụi gồm 11 phần. Trong đó bà M tham gia 02 phần, mỗi phần là 5.000.000đ, tiền đầu thảo 1.200.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui hụi một lần. Dây này phần hụi thứ nhất vẫn còn sống, bà M đã đóng được 09 lần (đóng đến tháng 5/2017) với số tiền là 25.050.000đ, yêu cầu bà C trả lại số tiền bà M đã đóng bằng 25.050.000đ. Đối với phần thứ hai của dây hụi này bà đã trúng thăm vào lần khui hụi thứ 4 bỏ thăm 2.450.000đ và nhận được số tiền 32.850.000đ. Bà M đã đóng hụi chết đến tháng 5/2017 tổng cộng là 05 lần, còn nợ lại 02 lần hụi, yêu cầu được trả vốn của hai kỳ chưa mở hụi bằng 5.100.000đ.

Dây 5: Hụi mở ngày 16/3/2016, hụi mãn ngày 16/031/2018, hụi gồm 13 phần. Trong đó bà M tham gia 02 phần, mỗi phần là 10.000.000 đồng, tiền đầu thảo 2.400.000đ, các bên thỏa thuận 02 tháng khui một lần. Bà M đã trúng thăm phần hụi thứ nhất vào lần khui hụi lần thứ hai ngày 16/5/2016 bỏ thăm số tiền 4.200.000đ và nhận được số tiền là 71.400.000đ. Bà M đã đóng hụi chết đến tháng

5/2017 tổng cộng được 05 lần, hiện còn nợ 06 lần hụi chưa đóng, yêu cầu được trả lại vốn của các kỳ chưa mở hụi bằng 34.800.000đ.

Phần thứ hai của dây hụi này vẫn còn sống, bà M đóng hụi được đến tháng 5/2017 tổng cộng 07 lần với số tiền là 38.100.000đ. Bà M yêu cầu bà C trả lại số tiền hụi bà M đã đóng bằng 38.100.000đ.

Bà M cho rằng bà là người trực tiếp tham gia hụi do bà C làm đầu thảo, ông B không biết việc bà M tham gia hụi. Bà M và ông B đã ly thân và sống riêng từ năm 2012 đến nay. Các lần bà M đóng tiền hụi hay nhận tiền hụi của bà C đều không có biên nhận.

Bà M cho rằng bà C còn nợ hụi sống của bà M 90.450.000đ, còn bà M nợ hụi chết bà C là 52.300.000đ nên sau khi khấu trừ với nhau thì bà C còn phải trả lại cho bà M số tiền là 38.150.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn là ông Nguyễn Văn B trình bày:* Khi bà M tham gia các dây hụi do bà C làm đầu thảo thì ông B không hay biết vì ông và bà M đã ly thân từ năm 2012 đến nay và sống riêng. Nay ông B không đồng ý theo yêu cầu của bà C vì ông B cho rằng không liên quan gì đến việc bà M tham gia hụi với bà C. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Châu Thị M và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả tiền hụi còn nợ với số tiền là 133.300.000đ, không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bị đơn. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là bà Châu Thị M trình bày: Thống nhất các lời trình bày của bà như đã trình bày nêu trên. Nhưng đối với dây hụi thứ 5 mở ngày 16/3/2016 thì bà M có thay đổi lời khai cho rằng phần thứ nhất của dây hụi này bà đã trúng thăm vào lần khui hụi thứ năm ngày 16/11/2016 và được nhận số tiền là 82.800.000đ, sau đó đóng lại hụi chết được 02 lần thì ngưng từ tháng 5/2017 đến nay. Hiện còn nợ lại 06 lần hụi, yêu cầu được trả vốn với số tiền là 35.400.000đ. Đối với phần hụi thứ hai của dây hụi này, bà M cho rằng vẫn còn sống, bà đã đóng được đến tháng 3/2017 với số tiền là 40.000.000đ. Bà M yêu cầu bà C trả lại số tiền của phần hụi này là 40.000.000đ.

Nay bà M không đồng ý theo yêu cầu của bà C, chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền hụi còn nợ là 52.300.000đ và có yêu cầu phản tố buộc bà C trả lại tiền hụi bà M đã đóng hụi sống với số tiền là 90.450.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã xử:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 16, 17, 18, 23, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Châu Thị M có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị C số tiền hụi còn nợ là 102.100.000đ (Một trăm lẽ hai triệu một trăm ngàn đồng).

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm cùng bà Châu Thị M trả số tiền bà M còn nợ bà C.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Châu Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả bà M số tiền hụi mà bà M đã đóng bằng 45.400.000đ (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2019 bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Châu Thị M và ông Nguyễn Văn B cùng có trách nhiệm trả nợ hụi cho bà số tiền 133.300.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà C thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu Tòa án xem xét lại phần án sơ thẩm đã xử dây hụi 3 và phần 1 của dây hụi 4. Buộc bà Châu Thị M trả tiền hụi cho bà dây hụi 3 là 10.900.000đ và phần 1 của dây hụi 4 là 12.000.000đ. Tổng cộng bà Châu Thị M phải trả cho bà số tiền bằng 125.000.000đ. Buộc ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm liên đới cùng với bà M trả nợ hụi cho bà; bà C không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quang D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

- Bà Châu Thị M trình bày: Không đồng ý theo kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị C yêu cầu cấp phúc xem xét sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền hụi còn nợ 125.000.000đ và bác phản tố của bị đơn đối với số tiền hụi hai phần hụi sống nguyên đơng phải trả lại cho bị đơn 45.000.000đ là chưa đủ căn cứ. Riêng

đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Nguyễn Văn B liên đới trả nợ hụi với bị đơn Châu Thị M là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị C buộc bị đơn Nguyễn Văn B liên đới trả nợ hụi 102.100.000đ. Không chấp nhận kháng cáo buộc bị đơn trả tiền nợ hụi chết 125.000.000đ, cũng không có căn cứ bác phản tố bị đơn còn nợ hụi sống 45.000.000đ.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 09/12/2019 đến ngày 23/12/2019 bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C còn trong hạn luật định, bà C là người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó vụ án được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn B đã được triêu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B.

- Về nội dung: Năm 2016 bà Nguyễn Thị C có tổ chức 05 dây hụi. Bà Châu Thị M thừa nhận có tham gia 05 dây hụi do bà C làm đầu thảo. Bà C cho rằng bà M hốt hụi xong đóng hụi lại không đầy đủ nên bà C khởi kiện yêu cầu bà M đóng hụi cho bà.

[1] Đối với dây hụi 1; dây hụi 2; phần 2 của dây hụi 4 và dây hụi số 5 án sơ thẩm giải quyết buộc bà M trả bà C số tiền 102.100.000đ thì bà C thống nhất số tiền không yêu cầu xem xét lại. Bà C kháng cáo yêu cầu xem xét lại dây hụi 3 và phần 1 của dây hụi 4. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với dây hụi 3, mở ngày 09/01/2016, loại hụi 5.000.000đ hai tháng khui một lần, hụi mãn ngày 09/9/2017 bà Châu Thị M tham gia một phần. Bà C cho rằng bà M đã hốt xong và còn nợ bà C số tiền 10.900.000đ. Phía bà M không thừa nhận có hốt dây hụi này, bà M cho rằng dây hụi này bà vẫn còn sống và bà M yêu cầu bà C trả bà số tiền mà bà đã đóng hụi với số tiền 25.400.000đ. Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà C vẫn xác định dây hụi số 3 bà M đã hốt xong, bà M còn nợ bà số tiền 10.900.000đ. Bà M không thừa nhận đã hốt phần hụi này. Bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà M đã hốt xong phần hụi này. Lời trình bày của hụi viên cùng tham gia dây hụi này là bà Phan Thị Đ2 và bà NLC2 do có quen thân với bà C nên không khách quan. Do đó có căn cứ xác định dây hụi số 3 bà Châu Thị M chưa hốt, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà M trả

10.900.000đ là có căn cứ. Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà M, buộc bà C trả bà M số tiền 22.800.000đ là có căn cứ.

Đối với dây hụi 4, mở ngày 09/01/2016, loại hụi 5.000.000đ hai tháng khui một lần, hụi mãn ngày 09/9/2017 bà Châu Thị M tham gia hai phần. Bà C cho rằng bà M đã hốt xong phần 1 của dây hụi này và còn nợ bà C số tiền 12.000.000đ. Phía bà M không thừa nhận có hốt phần hụi thứ nhất của dây hụi này, bà M cho rằng phần thứ nhất của dây hụi này bà vẫn còn sống và bà M yêu cầu bà C trả bà số tiền mà bà đã đóng hụi sống với số tiền 25.050.000đ. Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà C vẫn xác định phần thứ nhất của dây hụi số 4 bà M đã hốt xong, bà M còn nợ bà số tiền 12.000.000đ. Bà M không thừa nhận đã hốt phần hụi này. Bà C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà M đã hốt xong phần hụi này. Do đó có căn cứ xác định phần hụi thứ nhất của dây hụi số 4 bà M chưa hốt, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đòi bà M trả số tiền 12.000.000đ là có căn cứ. Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà M, buộc bà C trả bà M số tiền 22.600.000đ là có căn cứ.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, yêu cầu bà M trả bà C phần hụi của dây thứ 3 số tiền 10.900.000đ và phần hụi thứ nhất của dây hụi thứ 4 số tiền 12.000.000đ và không chấp nhận kháng cáo của bà C yêu cầu không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M yêu cầu bà C trả số tiền 45.400.000đ.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn B có trách nhiện liên đới cùng bà Châu Thị M trả nợ hụi cho bà C. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Nguyễn Văn B và bà Châu Thị M là vợ chồng, hiện nay chưa ly hôn. Số tiền 102.100.000đ bà M nợ bà C xảy ra trong thời kỳ hôn nhân. Ông B và bà M cho rằng ông B và bà M đã ly thân từ năm 2012 và sống riêng, nhưng tại cấp phúc thẩm bà M thừa nhận bà và ông B còn ở chung nhà. Việc chơi hụi mục đích phục vụ sinh hoạt gia đình. Theo Điều 27, Điều 37 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ chồng và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, nên phần nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân thì ông B phải có trách nhiệm cùng bà M trả nợ. Do đó, chấp nhận phần kháng cáo này của bà C. Buộc ông B có trách nhiệm liên đới cùng bà M trả tiền nợ hụi cho bà C số tiền 102.100.000đ là có căn cứ.

Từ những nhận định trên. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, sửa bản án sơ thẩm: Buộc bà Châu Thị M và ông Nguyễn Văn B liên đới trả bà Nguyễn Thị C số tiền nợ hụi là 102.100.000đ. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Châu Thị M buộc bà Nguyễn Thị C trả bà Châu Thị M số tiền 45.400.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên phần án phí được xác định lại như sau:

- Bà Châu Thị M và ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị C là 102.100.000đ x 5% = 5.105.000đ (năm triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng).

- Bà Châu Thị M phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 45.050.000đ x 5% = 2.252.500đ. Phần án phí của bà M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà M đã nộp tổng cộng là 954.500đ theo các biên lai thu số 0012033 ngày 13/8/2019 và biên lai thu số 0011220 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Bà M còn phải nộp tiếp 1.298.000đ (một triệu hai trăm chín mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà C không được chấp nhận và đối với số tiền phải trả cho bà M, nhưng do bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Tòa miễn toàn bộ án phí cho bà C. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm thẩm đã nộp là 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010216 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 16, 17, 18, 23, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26, 35, 39, 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C. Buộc bà Châu Thị M và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền hụi còn nợ là 102.100.000 đồng (một trăm lẻ hai lăm triệu một trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Châu Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả bà Châu Thị M số tiền hụi mà bà M đã đóng bằng 45.400.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Châu Thị M trả số tiền nợ hụi là 31.200.000đ (ba mươi mốt triệu hai trăm ngàn đồng).

4. Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bà Châu Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả số tiền 45.050.000đ (bốn mươi lăm triệu không trăm năm chục ngàn đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà Châu Thị M và ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.105.000đ (năm triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng).

6.2. Bà Châu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.252.500đ. Phần án phí của bà M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà M đã nộp tổng cộng là 954.500đ theo các biên lai thu số 0012033 ngày 13/8/2019 và biên lai thu số 0011220 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Bà M còn phải nộp tiếp 1.298.000đ (một triệu hai trăm chín mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.3. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm thẩm đã nộp là 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010216 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND huyện Tam Bình: 01;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- Các đương sự: 03;
- Tổ HC-TP và TDS TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Lưu hồ sơ: 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐẶNG VĂN LỘC